

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
GLOBAL PACIFIC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus)
3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus)
3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trung Quốc	Chủ tịch
Ông Võ Ngọc Phụng	Thành viên (có đơn từ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025)
Ông Lê Anh Nam	Thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025)
Ông Võ Ngọc Phụng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025)
Ông Đoàn Nguyên Sơn	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Anh Quân	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Chu Thị Mai Hương	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus)
3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Số: 0124 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte), DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte Châu Á Thái Bình Dương là một hãng thành viên của Deloitte Toàn cầu. Các thành viên và các đơn vị trực thuộc của Deloitte Châu Á Thái Bình Dương cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại hơn 100 thành phố trong khu vực, bao gồm Auckland, Bangkok, Bắc Kinh, Bengaluru, Hà Nội, Hồng Kông, Jakarta, Kuala Lumpur, Manila, Melbourne, Mumbai, New Delhi, Osaka, Seoul, Thượng Hải, Singapore, Sydney, Đài Bắc và Tokyo. Tại các nước thành viên, các hoạt động kinh doanh được thực hiện độc lập bởi các pháp nhân riêng biệt.

Deloitte Việt Nam

Tại Việt Nam, dịch vụ chuyên ngành được cung cấp bởi từng pháp nhân riêng biệt, và chỉ nhánh của pháp nhân đó, được gọi chung là Deloitte Việt Nam.

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung, do vậy, không một hãng DTTL, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con và các nhân viên của họ được xem là, trong phạm vi nội dung của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những ý kiến, tư vấn về chuyên môn cho người đọc. Trước khi đưa ra bất kỳ một quyết định hay hành động nào có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính hoặc hoạt động kinh doanh, người đọc nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn.

Không có tuyên bố, bảo đảm hoặc cam kết nào (rõ ràng hay ngụ ý) được đưa ra về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của thông tin trong tài liệu này, và không một hãng thành viên nào thuộc Mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất xảy ra trực tiếp hay gián tiếp do kết quả của việc người đọc sử dụng, công bố, phát tán ra bên ngoài hoặc đưa vào tài liệu này để hành động. Không hành động hoặc ra bất kỳ quyết định nào.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ liên quan đến việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình. Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại
 Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng,
 Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

MẪU B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		148.965.932.134	403.056.652.360
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.847.842.118	23.172.556.710
1. Tiền	111		7.847.842.118	23.172.556.710
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.305.680.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	28.305.680.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.461.956.187	253.009.326.139
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	47.520.428.923	52.304.305.824
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	26.066.048.615	225.494.324.253
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	29.443.221.347	9.778.438.760
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(34.567.742.698)	(34.567.742.698)
III. Hàng tồn kho	140		15.231.159.883	11.734.878.250
1. Hàng tồn kho	141	10	15.231.159.883	11.734.878.250
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.119.293.946	115.139.891.261
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	7.833.060.386	11.035.304.003
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16	16.281.979.945	104.104.487.258
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	4.253.615	100.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.957.265.647.492	1.495.682.542.916
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		931.657.750.000	2.200.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	929.457.750.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	2.200.000.000	2.200.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.977.600.369.982	1.454.379.201.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.977.600.369.982	1.454.379.201.348
- Nguyên giá	222		2.340.023.852.937	1.705.015.090.810
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(362.423.482.955)	(250.635.889.462)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.559.739.000	64.928.238
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	6.559.739.000	64.928.238
IV. Tài sản dài hạn khác	260		41.447.788.510	39.038.413.330
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	38.629.074.632	38.516.903.366
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	2.818.713.878	521.509.964
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.106.231.579.626	1.898.739.195.276

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại
Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng
Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

MÃU SỐ B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.426.286.646.384	1.238.388.464.637
I. Nợ ngắn hạn	310		373.098.560.432	288.723.375.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	36.608.997.177	33.274.850.892
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		136.855.360	54.677.176
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	8.131.187.537	20.628.543.978
4. Phải trả người lao động	314		4.482.405.575	11.591.585.791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.334.330.261	4.883.536.729
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.243.143.000	1.615.407.113
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.294.304.946	1.719.954.620
8. Vay ngắn hạn	320	19	308.402.475.950	214.262.267.640
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	4.464.860.626	692.551.208
II. Nợ dài hạn	330		2.053.188.085.952	949.665.089.490
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	232.462.450.000	-
2. Vay dài hạn	338	19	1.820.725.635.952	949.665.089.490
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		679.944.933.242	660.350.730.639
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	679.944.933.242	660.350.730.639
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.354.930.000	500.354.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.354.930.000	500.354.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(288.400.000)	(288.400.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		69.839.178.790	69.839.178.790
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.918.499.046	1.918.499.046
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		108.120.725.406	88.526.522.803
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		84.515.061.901	63.118.094.042
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		23.605.663.505	25.408.428.761
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.106.231.579.626	1.898.739.195.276


Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập biểu


Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại
 Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng
 Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	352.092.658.678	213.879.230.234
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		352.092.658.678	213.879.230.234
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	254.759.799.837	127.722.310.982
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		97.332.858.841	86.156.919.252
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	5.053.189.351	2.791.170.959
6. Chi phí tài chính	22	28	58.346.390.898	30.865.669.022
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.215.695.480	30.197.523.375
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	14.306.585.829	10.645.064.673
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		29.733.071.465	47.437.356.516
9. Thu nhập khác	31		45.399.251	310.571.720
10. Chi phí khác	32		220.520.227	-
11. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(175.120.976)	310.571.720
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		29.557.950.489	47.747.928.236
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	8.249.490.898	8.630.645.945
14. (Thu nhập)/ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(2.297.203.914)	1.144.580.225
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		23.605.663.505	37.972.702.066
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	453	729
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	411	462



Trương Đỗ Thanh Ngân
 Người lập biểu



Lê Thanh Chi
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại
Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng
Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.557.950.489	47.747.928.236
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	111.787.593.493	57.667.730.897
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các	04	(18.283.461)	46.687.423
khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(304.612.406)	(1.026.509.898)
Chi phí lãi vay	06	55.215.695.480	30.197.523.375
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	196.238.343.595	134.633.360.033
vốn lưu động			
Thay đổi các khoản phải thu	09	(657.081.945.910)	14.308.868.848
Thay đổi hàng tồn kho	10	(3.496.281.633)	(1.694.541.394)
Thay đổi các khoản phải trả	11	945.562.231.875	26.355.075.171
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.090.072.351	(20.771.070.770)
Tiền lãi vay đã trả	14	(53.788.229.601)	(30.662.638.767)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.661.002.067)	(3.674.282.742)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(239.151.484)	(686.136.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	409.624.037.126	117.808.633.459
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.356.981.212.127)	(120.175.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.305.680.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	139.366.999	1.026.509.898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.385.147.525.128)	906.334.898
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.784.260.200.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(819.059.445.228)	(77.263.285.716)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	965.200.754.772	(77.263.285.716)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(10.322.733.230)	41.451.682.641
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23.172.556.710	32.387.160.779
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái			
quy đổi ngoại tệ	61	(1.981.362)	26.137.651
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.847.842.118	73.864.981.071
(70=50+60+61)			


Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập biểu


Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại
Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng
Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 6 năm 2007. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 20 ngày 16 tháng 11 năm 2018 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Khí và Hóa Chất Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 27, ngày 25 tháng 3 năm 2024, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific. Hiện nay, Công ty đang hoạt động với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 thay đổi lần số 29 ngày 26 tháng 06 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 12 tháng 9 năm 2011, với mã chứng khoán là PCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 179 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 183 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê tàu biển, tư vấn quản lý tàu biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH/KỲ HOẠT ĐỘNG**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính/Kỳ hoạt động

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11
Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	03 - 08

Trong năm 2025, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của Phương tiện vận tải, truyền dẫn của Công ty là tàu Windsor từ 7 năm lên 11 năm, bắt đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của phương tiện này. Chi tiết của việc thay đổi thời gian hữu dụng được trình bày ở Thuyết minh 12.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí sửa chữa tàu định kỳ và phản ánh tình hình quyết toán chi phí sửa chữa tàu định kỳ. Các chi phí này sẽ được chuyển sang chi phí trả trước và phân bổ từ thời điểm hoàn thành sửa chữa cho đến thời điểm sửa chữa tàu định kỳ tiếp theo.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm bao gồm các khoản phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và sửa chữa định kỳ tàu, phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ và các khoản phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác nếu có sẽ được thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	65.337.669	279.105.188
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.782.504.449	22.893.451.522
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
	12.847.842.118	23.172.556.710

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong với lãi suất 3,2%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm sẽ đáo hạn trong tháng 5 năm 2026 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội với lãi suất từ 4,6%/năm đến 4,9%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	15.017.952.005
Seastar Maritime Co., Ltd.	4.592.469.605	4.107.934.940
Maersk Tankers A/S	16.812.952.987	25.090.116.102
Khác	11.097.054.326	8.088.302.777
	47.520.428.923	52.304.305.824

7. NỢ KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ				Số đầu kỳ			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu khách hàng								
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	532.961.224	14.484.990.781	15.017.952.005	532.961.224	14.484.990.781		
Công ty TNHH TMDV Khí đốt Nam Việt	3.621.148.541	-	3.621.148.541	3.621.148.541	-	3.621.148.541		
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.137.576.627	66.057.751	3.071.518.876	3.137.576.627	66.057.751	3.071.518.876		
Các khoản trả trước cho người bán								
Công ty TNHH Thủy Sản HMP	13.381.028.500	-	13.381.028.500	13.381.028.500	-	13.381.028.500		
Các khoản phải thu khác	9.056.000	-	9.056.000	9.056.000	-	9.056.000		
	35.166.761.673	599.018.975	34.567.742.698	35.166.761.673	599.018.975	34.567.742.698		

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Vận tải biển Châu Á Thái Bình Dương	146.663.780	207.485.300.000
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	13.381.028.500
Khác	12.538.356.335	4.627.995.753
	26.066.048.615	225.494.324.253
b. Dài hạn		
Wuhu Shipyard Co., Ltd. (*)	929.457.750.000	-

(*) Trong kỳ, Công ty đã ứng trước cho nhà cung cấp với tổng số tiền là 35.560.000 Đô la Mỹ (tương đương 929.457.750.000 Đồng) để thực hiện đóng 04 chở dầu/hóa chất có tải trọng khoảng 25.900 DWT mỗi tàu. Công ty đã nhận được bảo lãnh từ Ngân hàng Industrial Bank Co., Ltd Wuhu Branch cho hợp đồng giao dịch với Wuhu Shipyard Co., Ltd.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu từ các công ty bảo hiểm (*)	7.908.692.880	6.187.916.234
Tạm ứng cho nhân viên	5.560.454.107	1.670.994.567
Các khoản ký quỹ ngắn hạn (**)	13.099.196.760	317.696.760
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.874.877.600	1.601.831.199
	29.443.221.347	9.778.438.760
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ dài hạn	2.200.000.000	2.200.000.000

(*) Đây là các khoản phải thu bồi thường bảo hiểm cho các chi phí sửa chữa liên quan đến các sự cố tàu. Tại ngày lập báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục, hồ sơ để thu hồi lại các khoản bồi thường này từ các công ty bảo hiểm.

(**) Đây là khoản ký quỹ thực hiện được chủ tàu thanh toán cho đơn vị vận hành thương mại theo thỏa thuận "Pool" với khách hàng Maersk Tankers A/S.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.207.898.473	7.711.616.840
Công cụ, dụng cụ	4.023.261.410	4.023.261.410
	15.231.159.883	11.734.878.250

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Phí thuê văn phòng	3.630.403.933	8.507.065.933
Phí bảo hiểm	3.553.624.194	1.745.703.744
Khác	649.032.259	782.534.326
	7.833.060.386	11.035.304.003
b. Dài hạn		
Phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và sửa chữa định kỳ	21.548.628.277	34.079.470.299
Chi phí tư vấn tài chính	3.370.799.996	3.651.699.999
Chi phí bảo lãnh hợp đồng	6.136.086.445	-
Công cụ, dụng cụ	692.040.338	785.733.068
Khác	6.881.519.576	-
	38.629.074.632	38.516.903.366

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	623.873.636	1.703.552.931.823	838.285.351	1.705.015.090.810
Tăng trong kỳ	-	634.967.762.127	41.000.000	635.008.762.127
Số dư cuối kỳ	623.873.636	2.338.520.693.950	879.285.351	2.340.023.852.937
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	413.573.799	249.721.643.379	500.672.284	250.635.889.462
Khấu hao trong kỳ	-	111.694.738.229	92.855.264	111.787.593.493
Số dư cuối kỳ	413.573.799	361.416.381.608	593.527.548	362.423.482.955
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	210.299.837	1.453.831.288.444	337.613.067	1.454.379.201.348
Tại ngày cuối kỳ	210.299.837	1.977.104.312.342	285.757.803	1.977.600.369.982

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp các tài sản:

- Tàu vận tải Goby có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 258.768.700.744 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 274.294.822.792 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Đồng Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 01 năm 2025.
- Tàu vận tải Orion có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 324.849.388.067 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 343.897.933.523 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Đồng Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 01 năm 2025.
- Tàu vận tải Loyal có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 275.524.007.023 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 298.169.815.819 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Đồng Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 01 năm 2025.

- Tàu vận tải Windsor có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 507.885.244.035 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 533.184.633.525 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng thế chấp ngày 31 tháng 7 năm 2024.
- Tàu vận tải Artemis có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 606.167.672.074 đồng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp ngày 02 tháng 01 năm 2025.
- Xe Toyota có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 2.105.062.483 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.385.737.485 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tài chính Toyota Việt Nam.

Các phương tiện vận tải trên có tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 lần lượt là 2.333.230.103.042 đồng và 1.975.300.074.426 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.698.359.840.915 đồng và 1.451.932.943.144 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.880.861.576 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.846.507.031 đồng).

Trong kỳ, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là tàu Windsor từ 7 năm sang 11 năm, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của phương tiện này. Nếu thời gian hữu dụng trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong kỳ sẽ tăng với số tiền là 15.478.711.596 đồng và lợi nhuận trước thuế trong kỳ sẽ giảm với số tiền tương ứng.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là chi phí phát sinh liên quan đến việc đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất mỗi tàu có tải trọng khoảng 25.900 DWT, trong đó chi phí đi vay được vốn hóa là 6.559.739.000 Đồng.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Chi phí phải trả	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	521.509.964	521.509.964
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(70.742.160)	2.367.946.074	2.297.203.914
Số dư cuối kỳ	(70.742.160)	2.889.456.038	2.818.713.878

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Bên liên quan (Thuyết minh số 33)	376.249.876	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Hàng Hải Hưng Phát	5.278.656.400	7.428.656.400
Công ty Cổ phần Hàng hải Liên Minh Khác	4.773.398.987	2.443.063.309
	26.180.691.914	23.403.131.183
	36.608.997.177	33.274.850.892

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Các khoản phải thu	Số đầu kỳ VND	Số tăng trong kỳ VND	Số đã hoàn/ khấu trừ trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (*)	104.104.487.258	2.082.865.623	(89.905.372.936)	16.281.979.945
Khác	100.000	4.153.615	-	4.253.615
	104.104.587.258	2.087.019.238	(89.905.372.936)	16.286.233.560

(*) Đây là thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh từ các giao dịch mua sắm tài sản và chi phí hoạt động kinh doanh, các khoản này sẽ được hoàn lại hoặc khấu trừ với nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng đầu ra phải trả phát sinh trong tương lai.

Trong kỳ, Công ty đã nộp hồ sơ và nhận được khoản hoàn thuế với số tiền là 89.040.814.470 đồng.

Các khoản phải trả	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.442.897.958	8.249.490.898	20.661.002.067	8.031.386.789
Thuế thu nhập cá nhân	185.646.020	472.848.046	558.693.318	99.800.748
Khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	20.628.543.978	8.725.338.944	21.222.695.385	8.131.187.537

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí phải trả liên quan đến sửa chữa định kỳ	3.483.622.903	1.834.844.988
Chi phí lãi vay	3.534.207.358	2.106.741.479
Khác	316.500.000	941.950.262
	7.334.330.261	4.883.536.729

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	314.283.874	69.502.527
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	937.058.585	937.058.585
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.042.962.487	713.393.508
	2.294.304.946	1.719.954.620
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn (*) (Thuyết minh số 33)	232.462.450.000	-

(*) Đây là khoản ký quỹ, ký cược từ Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, bên liên quan, thuê 02 tàu chở dầu/hóa chất đóng mới có tải trọng mỗi tàu khoảng 25.900 DWT. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, các tàu vẫn đang trong quá trình đóng mới. Công ty đã mở bảo lãnh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong để đảm bảo cho khoản ký quỹ, ký cược này.

19. VAY

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	VND		VND		VND
	Giá trị	Tăng trong năm	Chuyển từ vay dài hạn sang ngắn hạn	Thanh toán	Giá trị
Vay dài hạn đến hạn trả	214.262.267.640	-	733.198.675.455	(639.058.467.145)	308.402.475.950
Vay dài hạn	949.665.089.490	1.784.260.200.000	(733.198.675.455)	(180.000.978.083)	1.820.725.635.952
	1.163.927.357.130	1.784.260.200.000	-	(819.059.445.228)	2.129.128.111.902

Chi tiết số dư các khoản vay tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Vay dài hạn đến hạn trả		
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (i)	422.571.432	422.571.432
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh (ii)	248.244.208.310	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông (iii)	59.735.696.208	59.735.696.208
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (v)	-	154.104.000.000
	308.402.475.950	214.262.267.640
b. Vay dài hạn		
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (i)	739.499.982	950.785.698
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh (ii)	1.420.480.658.365	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông (iii)	303.656.455.688	333.524.303.792
Bà Lương Diệu Linh	-	110.000.000.000
Ông Lương Đức Tuấn (iv)	95.849.021.917	165.850.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (v)	-	339.340.000.000
	1.820.725.635.952	949.665.089.490

- (i) Vay Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1000576636 ngày 17 tháng 3 năm 2021 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 6,99%/năm (áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân), được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo từ bên cho vay, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 23 tháng 4 năm 2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (xem Thuyết minh số 12).
- (ii) Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 274242.25.151.1108803 ngày 13 tháng 01 năm 2025 để tài trợ và bù đắp cho chi phí mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8,2%/năm (áp dụng trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần. Số tiền gốc vay được hoàn trả theo lịch thanh toán nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Goby, tàu Orion và tàu Loyal (xem thuyết minh số 12).
 - Hợp đồng tín dụng số 271098.24.151.1108803.TD ngày 02 tháng 01 năm 2025 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8,2%/năm (áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả vào ngày 10 hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 02 năm 2025. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Artemis (xem thuyết minh số 12).

- Hợp đồng tín dụng số 301281.25.151.1108803.TD ngày 14 tháng 5 năm 2025 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8,2%/năm (áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả theo lịch trả nợ hằng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp 4 tàu chở dầu/hóa chất đang trong quá trình đóng mới có trọng tải mỗi tàu là 25.900 DWT.
- (iii) Vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng số 0076/2024/HĐTD-OCB-DN ngày 27 tháng 6 năm 2024 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8%/năm (cố định trong 12 tháng đầu), được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo từ bên cho vay, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2024. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 1 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Windsor (xem thuyết minh số 12).
- (iv) Các khoản vay với Ông Lương Đức Tuấn bao gồm Hợp đồng vay tiền số 109/2024/PCT-LDT ngày 19 tháng 09 năm 2024 với mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất 9,4%/năm, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2024. Theo hợp đồng, 20% số tiền vay được hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày giải ngân và 80% khoản vay còn lại được trả vào cuối kỳ hoặc có thỏa thuận khác. Hợp đồng vay tiền số 111/2024/PCT-LDT ngày 24 tháng 12 năm 2024 với mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất 9,4%/năm đối với năm đầu tiên, năm tiếp theo điều chỉnh lãi suất định kỳ 6 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2024. Khoản vay được trả vào cuối kỳ hoặc khi có thỏa thuận khác.
- (v) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng để mua sắm phương tiện vận tải. Trong kỳ, Công ty đã tất toán sớm các khoản nợ này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng một năm	308.402.475.950	214.262.267.640
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	1.170.789.255.993	949.665.089.490
Sau năm năm	649.936.379.959	-
	2.129.128.111.902	1.163.927.357.130
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	(308.402.475.950)	(214.262.267.640)
Số phải trả sau 12 tháng	1.820.725.635.952	949.665.089.490

20. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	264.616.764	1.700.000.000	58.000.000	1.906.616.764
Quỹ phúc lợi	427.934.444	1.811.460.902	181.151.484	2.058.243.862
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	500.000.000	-	500.000.000
Cộng	692.551.208	4.011.460.902	239.151.484	4.464.860.626

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cổ phần	Số cuối kỳ VND	Số cổ phần	Số đầu kỳ VND
Được phép phát hành	50.035.493	500.354.930.000	50.035.493	500.354.930.000
Đã phát hành và vốn góp đủ	<u>50.035.493</u>	<u>500.354.930.000</u>	<u>50.035.493</u>	<u>500.354.930.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

		Số cuối kỳ			Số đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)
Ông Đỗ Anh Việt	-	0,00	0,00	132.960.000.000	26,57	26,57
Bà Trần Thị Thu Hà	111.552.800.000	22,29	22,29	111.552.800.000	22,29	22,29
Ông Trần Vọng Phúc	110.730.520.000	22,13	22,13	110.730.520.000	22,13	22,13
Ông Cao Đức Sơn	117.882.800.000	23,56	23,56	92.862.800.000	18,56	18,56
Ông Đặng Nguyên Đắc	107.940.000.000	21,57	21,57	-	0,00	0,00
Các cổ đông khác	52.248.810.000	10,44	10,44	52.248.810.000	10,44	10,44
	<u>500.354.930.000</u>	<u>100</u>	<u>100</u>	<u>500.354.930.000</u>	<u>100</u>	<u>100</u>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Số dư đầu kỳ trước	500.354.930.000	(223.600.000)	839.178.790	1.918.499.046	72.880.683.447	575.769.691.283
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	37.972.702.066	37.972.702.066
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	69.000.000.000	-	(69.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.640.683.196)	(2.640.683.196)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Khác	-	(64.800.000)	-	-	-	(64.800.000)
Số dư cuối kỳ trước	500.354.930.000	(288.400.000)	69.839.178.790	1.918.499.046	88.526.522.803	660.350.730.639
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Số dư đầu kỳ này	500.354.930.000	(288.400.000)	69.839.178.790	1.918.499.046	88.526.522.803	660.350.730.639
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	23.605.663.505	23.605.663.505
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(3.511.460.902)	(3.511.460.902)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*)	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư cuối kỳ này	500.354.930.000	(288.400.000)	69.839.178.790	1.918.499.046	108.120.725.406	679.944.933.242

(*) Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành và quỹ đầu tư của Công ty với số tiền lần lượt là 3.511.460.902 đồng và 500.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Trong kỳ, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 50.035.493.000 đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện các thủ tục theo quy định, do đó cổ phiếu này vẫn chưa được phát hành.

Theo các Nghị quyết số 01/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 29 tháng 02 năm 2024, Nghị quyết số 02/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 31 tháng 5 năm 2024, Nghị quyết số 01/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 24 tháng 3 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua các điều chỉnh phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với số tiền thu về dự kiến là 333.569.960.000 đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục để chào bán các cổ phiếu này.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ ("USD")	252.336,31	672.099,36
Euro ("EUR")	160,96	160,96

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Long Tân	643.278.863	643.278.863
Tạm ứng của lái xe Taxi đội 1	406.826.607	406.826.607
Tạm ứng mua nhiên liệu cho lái xe Taxi	584.972.173	584.972.173
Các đối tượng khác	1.270.557.482	1.270.557.482
	2.905.635.125	2.905.635.125

Các khoản nợ phải thu trên đã được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 253/QĐ-PCT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Công ty.

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu và Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu.
- Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

30/6/2025	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.681.075.000	2.943.073.109.967	4.338.329.157	2.949.092.514.124
Tài sản không phân bổ				157.139.065.502
Tổng Tài sản				3.106.231.579.626
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận		2.285.381.567.622		2.285.381.567.622
Nợ phải trả không phân bổ				140.905.078.762
Tổng Nợ phải trả				2.426.286.646.384

31/12/2024	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	10.456.714.185	1.476.373.818.520	1.327.508.641	1.488.158.041.346
Tài sản không phân bổ				410.581.153.930
Tổng Tài sản				1.898.739.195.276
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	-	903.400.313.639	-	903.400.313.639
Nợ phải trả không phân bổ				334.988.150.998
Tổng Nợ phải trả				1.238.388.464.637

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.940.856.033	326.932.678.221	10.219.124.424	352.092.658.678
Giá vốn	(15.470.512.351)	(233.411.982.955)	(5.877.304.531)	(254.759.799.837)
Kết quả hoạt động kinh doanh	(529.656.318)	93.520.695.266	4.341.819.893	97.332.858.841
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(14.306.585.829)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				83.026.273.012
Doanh thu hoạt động tài chính				5.464.640.316
Chi phí tài chính				(58.757.841.863)
Lỗ khác				(175.120.976)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				29.557.950.489
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(8.249.490.898)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				2.297.203.914
Lợi nhuận trong kỳ				23.605.663.505
Thông tin khác				
Khấu hao				111.825.593.493

Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	198.818.184	198.434.412.050	15.246.000.000	213.879.230.234
Giá vốn	(76.988.634)	(117.778.873.654)	(9.866.448.694)	(127.722.310.982)
Kết quả hoạt động kinh doanh	121.829.550	80.655.538.396	5.379.551.306	86.156.919.252
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(10.645.064.673)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				75.511.854.579
Doanh thu hoạt động tài chính				2.791.170.959
Chi phí tài chính				(30.865.669.022)
Lợi nhuận khác				310.571.720
Lợi nhuận kế toán trước thuế				47.747.928.236
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(8.630.645.945)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(1.144.580.225)
Lợi nhuận trong kỳ				37.972.702.066
Thông tin khác				
Khấu hao				57.667.730.897

Bộ phận theo khu vực địa lý

Về mặt địa lý, doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý tàu, bán hàng thương mại và dịch vụ khác toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam (trình bày tại Thuyết minh số 23 và 24), trong khi doanh thu dịch vụ vận tải được thực hiện ở quốc tế.

Chi tiết doanh thu và giá vốn theo khu vực địa lý như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu theo khu vực địa lý		
Doanh thu nội địa	10.546.124.424	15.444.818.184
Doanh thu quốc tế	341.546.534.254	198.434.412.050
	352.092.658.678	213.879.230.234
Giá vốn theo khu vực địa lý		
Giá vốn nội địa	5.954.293.165	9.943.437.328
Giá vốn quốc tế	248.805.506.672	117.778.873.654
	254.759.799.837	127.722.310.982

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh của cty, dịch vụ tư vấn quản lý tàu, bán hàng thương mại và dịch vụ khác toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam (trình bày tại Thuyết minh số 23 và 24), trong khi doanh thu dịch vụ vận tải được thực hiện ở quốc tế nên Ban Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng thương mại	14.613.856.033	-
Doanh thu dịch vụ vận tải	326.932.678.221	198.434.412.050
Doanh thu dịch vụ tư vấn quản lý tàu	10.219.124.424	15.246.000.000
Doanh thu dịch vụ khác	327.000.000	198.818.184
	352.092.658.678	213.879.230.234

25. GIÁ VỐN HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	15.393.523.717	-
Giá vốn dịch vụ vận tải	233.411.982.955	117.778.873.654
Giá vốn dịch vụ tư vấn quản lý tàu	5.877.304.531	9.866.448.694
Giá vốn dịch vụ khác	76.988.634	76.988.634
	254.759.799.837	127.722.310.982

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.626.313.140	6.618.861.312
Chi phí nhân công	42.381.302.970	38.968.353.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	111.787.593.493	57.667.730.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.258.176.063	35.000.929.859
Chi phí khác bằng tiền	13.000.000	111.500.000
	269.066.385.666	138.367.375.655

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	304.612.406	8.787.546
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.748.576.945	1.764.661.061
Khác	-	1.017.722.352
	5.053.189.351	2.791.170.959

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	55.215.695.480	30.197.523.375
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.346.858.360	668.145.647
Khác	1.783.837.058	-
	58.346.390.898	30.865.669.022

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	4.385.180.560	4.117.775.686
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.772.730	113.584.059
Chi phí khấu hao tài sản cố định	488.149.016	370.265.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.412.483.523	5.931.938.965
Chi phí khác	13.000.000	111.500.000
	14.306.585.829	10.645.064.673

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	29.557.950.489	47.747.928.236
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	741.741.839	1.921.891.515
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	6.516.590.029
Thu nhập tính thuế	30.299.692.328	43.153.229.722
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	6.059.938.466	8.630.645.945
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	2.189.552.432	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.249.490.898	8.630.645.945

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế. Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

31. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước (trình bày lại)
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	23.605.663.505	37.972.702.066
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(944.226.540)	(1.518.908.083)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	22.661.436.965	36.453.793.983
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phần)	50.035.493	50.035.493
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	453	729

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế kỳ hoạt động như trên và số liệu ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 4% lợi nhuận sau thuế. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai kỳ do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được trình bày lại do ảnh hưởng của số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

	Số đã báo cáo	Thay đổi	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	37.972.702.066	-	37.972.702.066
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.658.089.145)	1.139.181.062	(1.518.908.083)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	35.314.612.921	1.139.181.062	36.453.793.983
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.035.493	-	50.035.493
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	706	23	729

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Đại hội đồng cổ đông của Công ty năm 2025 đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2024 với tỷ lệ là 10%. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu phần bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lợi nhuận:

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.661.436.965	36.453.793.983

Số cổ phiếu:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.035.493	50.035.493
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	5.003.549	5.003.549
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	55.039.042	55.039.042

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.661.436.965	36.453.793.983
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	55.039.042	55.039.042
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	411	662

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4.876.662.000	3.305.268.500

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	5.507.123.067	5.320.659.610
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	24.727.556.000	34.706.000.000
	30.234.679.067	40.026.659.610

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty và các khoản thuê hoạt động khác. Hợp đồng thuê văn phòng được ký mới với thời hạn 5 năm từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 14 tháng 11 năm 2028.

Công ty là bên cho thuê:

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	327.259.678.221	198.633.230.234

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	695.913.547.645	443.955.421.356
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.144.315.581.208	497.211.027.924
	1.840.229.128.853	941.166.449.280

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền Công ty sẽ thu từ Seastar Maritime Co. Ltd và Maersk Tankers A/S từ việc cho thuê các tàu Loyal, Goby, Orion, Windsor và Artemis. Khoản ước tính này dựa trên đơn giá cho thuê tàu mới cập nhật tại thời điểm lập báo cáo và có thể thay đổi tùy theo tình hình thị trường.

Trong kỳ, Công ty đã ký kết hợp đồng cho thuê tàu trần với Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, bên liên quan, để cho thuê 2 tàu dầu/hóa chất đóng mới với thời hạn thuê là 10 năm bắt đầu từ thời điểm bàn giao tàu.

Cam kết đầu tư tài sản có giá trị lớn

Căn cứ theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 03 tháng 12 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có tải trọng mỗi tàu khoảng 25.900 DWT với giá trị đầu tư không vượt quá 48.155.800 Đô la Mỹ/tàu. Đến ngày 24 tháng 3 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết 01/2025/NQ-PCT-ĐHCD có nội dung phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư không vượt quá 47.987.800 Đô la Mỹ/tàu.

Theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc nhận chuyển nhượng 04 hợp đồng đóng mới từ Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với giá đóng mới là 44.825.000 Đô la Mỹ/tàu. Tại ngày 26 tháng 02 năm 2025, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng nhận chuyển nhượng này với Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương và Wuhu Shipyard Co., Ltd.

Trong kỳ, Công ty đã ứng trước cho Wuhu Shipyard Co., Ltd. với tổng số tiền là 35.560.000 Đô la Mỹ (Thuyết minh số 8) để thực hiện hợp đồng.

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Ông Đỗ Anh Việt

Bà Trần Thị Thu Hà

Ông Trần Vọng Phúc

Ông Cao Đức Sơn

Ông Đặng Nguyên Đăng

Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt

Công ty Cổ phần Nguồn lực Thuyền viên KPI

Mối quan hệ

Cổ đông sở hữu 26,57% vốn góp đến ngày 13 tháng 5 năm 2025

Cổ đông sở hữu 22,29% vốn góp

Cổ đông sở hữu 22,13% vốn góp

Cổ đông sở hữu 23,56% vốn góp

Cổ đông sở hữu 21,57% vốn góp từ ngày 13 tháng 5 năm 2025

Công ty chung người quản lý

Công ty chung người quản lý

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Nguồn lực Thuyền viên KPI	580.134.975	-
Nhận tiền đặt cọc		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	232.462.450.000	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị		
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	-	273.445.840
Ông Trần Trung Quốc	60.000.000	10.000.000
Ông Võ Ngọc Phụng	48.000.000	8.000.000
Ông Lê Anh Nam	48.000.000	8.000.000
Ông Phạm Xuân Quang	-	8.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	48.000.000	23.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	-	15.000.000
Bà Lê Thị Mai	-	15.000.000
Ông Nguyễn Sơn Lâm	-	15.000.000
Ông Lê Hoàng Phương	-	6.000.000
	204.000.000	381.445.840
Ban Điều hành		
Ông Võ Ngọc Phụng	416.352.960	193.552.000
Bà Lê Thị Mai	-	82.585.759
Ông Nguyễn Sơn Lâm	-	170.918.000
Ông Đoàn Nguyên Sơn	365.880.000	328.707.000
Ông Nguyễn Văn Kiều	-	53.763.545
Ông Phạm Xuân Quang	-	99.294.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	374.407.360	-
Ông Hoàng Anh Quân	137.712.000	-
Bà Lê Thanh Chi	299.393.973	207.497.995
	1.593.746.293	1.136.318.299

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	49.245.349	53.927.360
Bà Đặng Thị Dung	-	10.000.000
Bà Chu Thị Mai Hương	24.517.000	3.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	18.000.000	3.000.000
Bà Đào Ngọc Mai	-	7.500.000
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	-	7.500.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy	9.775.000	-
	101.537.349	84.927.360

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Nguồn lực Thuyền viên KPI	376.249.876	-
Phải trả khác dài hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	232.462.450.000	-

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 3.534.207.358 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.106.741.479 đồng), là số tiền lãi phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm 929.457.750.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 207.485.300.000 đồng), là số tiền Công ty đã trả trước cho người bán liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong tương lai. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu từ cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm số tiền 165.245.407 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: không phát sinh), là số tiền trích trước lãi tiền gửi chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.


Trương Đỗ Thanh Ngân
 Người lập biểu


Lê Thanh Chi
 Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thanh Huyền
 Giám đốc
 Ngày 14 tháng 8 năm 2025